



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

LABOR MARKET-ORIENTED TRAINING IN RUSSIAN FOR TOURISM: A TRIPARTITE MODEL OF COOPERATION AMONG EDUCATIONAL INSTITUTIONS, BUSINESSES AND LOCAL AUTHORITIES

Pham Duong Hong Ngoc^{1,*}, Ngo Thi Minh Thu², Nguyen Huu Chinh³,
Duong Quoc Cuong⁴, Nguyen Ngoc Chinh⁵

^{1,2,3}*Faculty of Russian Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

^{4,5}*University of Foreign Language Studies - The University of Danang,
No. 131 Luong Nhu Hoc, Cam Le ward, Da Nang, Vietnam*

Received 12 September 2025

Revised 30 October 2025; Accepted 26 November 2025

Abstract: The article analyzes the current situation of Russian language training for the tourism sector through a case study at the Faculty of Russian Language and Culture, University of Languages and International Studies - Vietnam National University, Hanoi, in the context of a growing demand for high-quality human resources to serve the tourism industry, particularly in destinations with a large influx of Russian tourists such as Khanh Hoa, Quang Ninh, Da Nang, and Phu Quoc. The study employs a mixed-methods approach, combining in-depth interviews with lecturers, tourism management officials, business representatives, alumni and students, along with field observation, surveys, and descriptive statistics to collect and analyze data comprehensively, ensuring both reliability and objectivity. Findings from this representative case reveal clear strengths and limitations, providing insights and implications for developing training models that can be adapted and applied more broadly at the national level. The article proposes a tripartite training model linking educational institutions, businesses, and local authorities (Triple Helix Model) as a feasible direction to enhance training quality, increase the practical application of the Russian language in the tourism industry, and contribute to Vietnam's national human resource development strategy in the context of deep international integration.

Keywords: Russian for tourism purposes, labor market-oriented training, the Triple Helix model, human resources in tourism industry in Vietnam, practice-based education

* Corresponding author.

Email address: ngoc241985@gmail.com

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5620>

ĐÀO TẠO TIẾNG NGA CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH GẮN VỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG: MÔ HÌNH KẾT HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG - DOANH NGHIỆP - ĐỊA PHƯƠNG

Phạm Dương Hồng Ngọc¹, Ngô Thị Minh Thu², Nguyễn Hữu Chinh³,
Dương Quốc Cường⁴, Nguyễn Ngọc Chinh⁵

^{1,2,3}Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

^{4,5}Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng, 131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng, Việt Nam

Nhận bài ngày 12 tháng 9 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 10 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 11 năm 2025

Tóm tắt: Bài báo tập trung phân tích thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch qua nghiên cứu trường hợp tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (Khoa NN&VH Nga, ĐHNH, ĐHQGHN) trong bối cảnh nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành du lịch ngày càng tăng, đặc biệt tại các địa phương đón nhiều khách Nga như: Khánh Hòa, Quảng Ninh, Đà Nẵng và Phú Quốc. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp phỏng vấn sâu với giảng viên, cán bộ quản lý du lịch, đại diện doanh nghiệp, cựu sinh viên và sinh viên, cùng với quan sát thực tiễn, điều tra khảo sát và thống kê mô tả nhằm thu thập và phân tích dữ liệu một cách toàn diện, đảm bảo độ tin cậy và tính khách quan. Kết quả nghiên cứu từ phạm vi điển hình này cho phép nhận diện rõ những điểm mạnh, hạn chế và gợi mở mô hình đào tạo có thể tham khảo, vận dụng ở quy mô rộng hơn trên toàn quốc. Bài viết đề xuất mô hình đào tạo kết hợp ba bên: Nhà trường - Doanh nghiệp - Địa phương (Triple Helix) như một hướng đi khả thi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng tính ứng dụng của tiếng Nga trong thực tiễn du lịch, đồng thời đóng góp vào chiến lược phát triển nhân lực quốc gia trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

Từ khóa: tiếng Nga chuyên ngành du lịch, đào tạo gắn với thị trường lao động, mô hình Triple Helix, nhân lực du lịch ở Việt Nam, giáo dục dựa trên thực tiễn

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh ngành du lịch Việt Nam đang từng bước phục hồi sau đại dịch COVID-19 và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết (Vũ Chiến Thắng, 2020; Tourism & UNWTO, 2023). Trong đó, tiếng Nga nổi lên như một ngoại ngữ chiến lược, đặc biệt khi thị trường khách du lịch đến từ Liên bang Nga vẫn giữ vai trò quan trọng đối với nhiều địa phương trọng điểm du lịch tại Việt Nam. Khách Nga được biết đến là nhóm khách có thời gian lưu trú dài, mức chi tiêu cao và sự trung thành lớn đối với các điểm đến truyền thống như: Nha Trang, Phú Quốc, Đà Nẵng hay Hạ Long (Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 2023). Tuy nhiên, chính tại những địa bàn này, tình trạng thiếu hụt nhân lực thành thạo tiếng Nga đang diễn ra phổ biến và có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ và trải nghiệm du lịch của du khách (Xuân Tựu & Đặng Hiếu, 2025).

Nghiên cứu một số chương trình đào tạo tiếng Nga cho thấy chương trình đào tạo còn mang nặng tính hàn lâm, chưa chú trọng đúng mức đến kỹ năng nghề nghiệp, khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường làm việc thực tế hay các chuẩn năng lực nghề cụ thể mà nhà tuyển dụng yêu cầu (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

[ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM], 2020), (Trường Đại học Ngoại ngữ [ĐHNN], 2022). Điều này dẫn đến khoảng cách đáng kể giữa đầu ra đào tạo và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, gây lãng phí nguồn lực và làm suy giảm năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực du lịch.

Trước thực trạng đó, bài viết đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng và triển khai một mô hình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch gắn với thực tiễn thị trường lao động. Mô hình này cần được định hướng bởi sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa ba chủ thể chính: Nhà trường (nơi cung cấp chương trình và tổ chức đào tạo), doanh nghiệp (nơi tiếp nhận và sử dụng nhân lực) và địa phương (nơi kiến tạo môi trường thực hành nghề nghiệp và định hướng phát triển nhân lực theo nhu cầu vùng miền). Sự liên kết ba bên này không chỉ tạo điều kiện để sinh viên được học đi đôi với hành, mà còn giúp điều chỉnh kịp thời chương trình đào tạo theo biến động của thị trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng hiệu quả yêu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực du lịch.

2. Mục tiêu và phạm vi nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Bài viết tập trung phân tích thực trạng và yêu cầu đổi mới đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Khoa NN&VH Nga, ĐHNN, ĐHQGHN, được xem như một trường hợp điển hình phản ánh mối liên hệ giữa đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành và nhu cầu của thị trường lao động. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trước, khảo sát thực tiễn tại một số cơ sở đào tạo và phỏng vấn sâu với giảng viên, cựu sinh, sinh viên cùng đại diện doanh nghiệp, bài viết chỉ ra những hạn chế trong chương trình, phương pháp giảng dạy cũng như sự thiếu gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Từ kết quả phân tích đó, nhóm tác giả đề xuất một mô hình đào tạo theo định hướng ứng dụng, lấy người học làm trung tâm, đồng thời thúc đẩy sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong toàn bộ quá trình đào tạo và đánh giá năng lực đầu ra. Mô hình được minh họa qua nghiên cứu trường hợp tại Khoa NN&VH Nga, với những gợi mở thực tiễn về xây dựng chương trình học tích hợp kỹ năng nghề, phát triển năng lực giao tiếp chuyên ngành, và tổ chức các hoạt động thực hành – thực tập có định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Bài viết kỳ vọng mang đến một góc nhìn thiết thực cho việc đổi mới đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Việt Nam, góp phần tăng cường mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động, hướng tới phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào hoạt động đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Khoa NN&VH Nga, ĐHNN, ĐHQGHN, được xem như một mô hình điển hình phản ánh xu hướng gắn kết giữa đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành và nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Kết quả nghiên cứu mang tính minh họa và gợi mở, chưa nhằm đại diện cho toàn bộ bức tranh đào tạo tiếng Nga du lịch ở Việt Nam, nhưng cung cấp luận cứ tham khảo hữu ích cho các cơ sở đào tạo trong quá trình đổi mới chương trình theo hướng ứng dụng.

3. Cơ sở khoa học

3.1. Tổng quan nghiên cứu

3.1.1. Nghiên cứu về đào tạo ngoại ngữ định hướng nghề nghiệp và gắn với thị trường lao động

Trong giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành, nhiều nghiên cứu khẳng định rằng định hướng nghề nghiệp là yếu tố cốt lõi trong thiết kế chương trình, đòi hỏi quá trình dạy học phải dựa trên phân tích nhu cầu nghề nghiệp và năng lực đầu ra của người học.

Theo Hutchinson và Waters (1987), dạy ngoại ngữ chuyên ngành là việc giảng dạy ngôn ngữ nhằm đáp ứng các nhu cầu cụ thể của người học trong lĩnh vực nghề nghiệp hoặc học thuật, với chương trình được thiết kế dựa trên phân tích nhu cầu và mục tiêu đầu ra rõ ràng. Tương tự, Dudley-Evans và St John (1998) cho rằng ngoại ngữ chuyên ngành (ESP) tập trung vào ngữ pháp, từ vựng, phong cách, kỹ năng và thể loại diễn ngôn phù hợp với từng ngữ cảnh nghề nghiệp.

Tại Việt Nam, nhiều công trình đã nhấn mạnh vai trò của liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong việc giúp người học tiếp cận môi trường nghề thực tế, thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành. Theo Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2022), nhu cầu nhân lực du lịch Việt Nam tăng trung bình 7%/năm giai đoạn 2016–2020, cao gấp 2–3 lần so với nhiều ngành khác. Ngoài ra, các nghiên cứu của Trường Đại học Văn Hiến (2024) và Trần Tuyên (2025) cũng khẳng định tầm quan trọng của hợp tác nhà trường – doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững ngành du lịch.

Từ đó có thể thấy việc thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành cần được gắn với nhu cầu nghề nghiệp, năng lực đầu ra và thực tiễn nghề nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và khả năng đáp ứng thị trường lao động.

3.1.2. Nghiên cứu về đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch

Nhiều học giả Nga đã nghiên cứu về việc giảng dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ (Russian as a Foreign Language - RFL) theo định hướng nghề nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch. Linda Torresin nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển năng lực giao tiếp chuyên ngành thông qua các phương pháp giảng dạy thích ứng với môi trường nghề nghiệp thực tế, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong công việc (Torresin, 2024). Ivanova chỉ ra rằng việc sử dụng trò chơi vai (role-playing) trong giảng dạy RFL giúp sinh viên nắm vững kỹ năng giao tiếp chuyên môn, đồng thời rèn luyện khả năng xử lý các tình huống thực tế trong nghề nghiệp du lịch (Ivanova, 2021).

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu gần đây (Luu Thị Thùy Mỹ & Nguyễn Ngọc Chinh, 2023) đã bước đầu phân tích những khó khăn sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành du lịch gặp phải khi học môn Viết tiếng Nga, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao kỹ năng viết và tính ứng dụng thực tế.

Tuy nhiên, tổng quan nghiên cứu cho thấy số lượng công trình về giảng dạy tiếng Nga chuyên ngành du lịch vẫn còn rất hạn chế, không chỉ ở Việt Nam mà ngay cả ở Nga và trên thế giới. Các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào một số môn học hoặc phương pháp cụ thể, như viết tiếng Nga hoặc role-playing, và chưa có nhiều công trình tổng thể về thiết kế chương trình giảng dạy toàn diện cho sinh viên ngành du lịch.

3.1.3. Nghiên cứu mô hình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch

Mô hình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch hiện nay chủ yếu tập trung vào việc phát triển năng lực giao tiếp chuyên ngành thông qua các phương pháp như giảng dạy theo dự án, mô phỏng tình huống nghề nghiệp và sử dụng phương pháp Content and Language Integrated Learning (CLIL). Nghiên cứu của Chaloeisuk và Aroonoast (2024) tại Thái Lan đã áp dụng CLIL trong giảng dạy tiếng Nga cho ngành du lịch, nhấn mạnh sự cần thiết phải phát triển đồng thời bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết, đồng thời tích hợp nội dung chuyên ngành vào quá trình học.

Một hướng tiếp cận quan trọng trong đào tạo hiện nay là mô hình liên kết ba bên (Triple Helix Model) giữa nhà trường, doanh nghiệp và địa phương. Mô hình này tạo điều kiện cho sinh viên được trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, đồng thời tham gia vào các dự án phát triển

du lịch địa phương dưới sự hướng dẫn của nhà trường và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. Nghiên cứu của Metsaots đã chỉ ra rằng mô hình Triple Helix giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên, đồng thời thúc đẩy đổi mới chương trình đào tạo theo nhu cầu của thị trường (Metsaots, 2016).

Tại Việt Nam, việc ứng dụng mô hình Triple Helix trong đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch còn rất mới. Một số báo cáo hội thảo nhấn mạnh cần xây dựng mô hình đào tạo tích hợp giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương, nhằm tạo môi trường thực hành gắn với thực tế nghề nghiệp, đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghề và khả năng thích ứng với thị trường lao động. Tuy nhiên, chưa có mô hình tổng thể và nghiên cứu chuẩn hóa, mở ra cơ hội cho các nghiên cứu tiếp theo đề xuất giải pháp phù hợp.

Như vậy, nghiên cứu về mô hình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, cả ở Nga, quốc tế lẫn Việt Nam đều còn hạn chế, đặc biệt về các mô hình toàn diện, kết hợp lý thuyết – thực hành, trải nghiệm thực tế và liên kết ba bên, tạo cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo phát triển phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn.

3.1.4. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về đào tạo ngoại ngữ, đào tạo nghề và hợp tác trong giáo dục đại học, song vẫn tồn tại khoảng trống đáng kể trong nghiên cứu về đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch gắn với nhu cầu thị trường lao động tại Việt Nam. Phần lớn các công trình hiện nay mới dừng ở những khía cạnh chung, chưa phân tích sâu đặc thù của ngành du lịch – lĩnh vực có tính quốc tế cao, đòi hỏi năng lực ngôn ngữ, văn hóa và nghiệp vụ chuyên biệt.

Đặc biệt, mô hình liên kết giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương, dù được xem là hướng đi hiệu quả trong giáo dục ứng dụng, vẫn còn ít được triển khai bài bản trong đào tạo tiếng Nga du lịch. Những hoạt động phối hợp hiện có còn rời rạc, thiếu hệ thống, dẫn đến hiệu quả đào tạo và mức độ sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên chưa cao. Bên cạnh đó, còn thiếu nghiên cứu thực nghiệm đánh giá hiệu quả của mô hình hợp tác ba bên tại các cơ sở trọng điểm như Khoa NN&VH Nga, ĐHNN, ĐHQGHN, gây hạn chế trong việc xây dựng chính sách và nhân rộng mô hình đào tạo hiệu quả.

Do vậy, nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, đồng thời đề xuất mô hình hợp tác đồng bộ giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tiếng Nga cho ngành du lịch Việt Nam. Nghiên cứu kỳ vọng mang lại cơ sở khoa học và thực tiễn cho đổi mới đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3.2. Cơ sở lý thuyết

3.2.1. Giáo dục định hướng nghề nghiệp – Cơ sở lý thuyết cho việc thiết kế chương trình đào tạo gắn với thực tiễn

Giáo dục định hướng nghề nghiệp (career-oriented education) là một tiếp cận hiện đại nhằm thu hẹp khoảng cách giữa nhà trường và thị trường lao động, đặt người học vào trung tâm quá trình phát triển năng lực nghề nghiệp. Theo Hoachlander (2008), Rauner và Maclean (2021), và OECD (2021), mô hình này gắn kết nội dung đào tạo với yêu cầu thực tiễn của công việc.

Khác với giáo dục truyền thống chú trọng tri thức hàn lâm, giáo dục định hướng nghề nghiệp hướng tới phát triển toàn diện năng lực làm việc, bao gồm:

Năng lực chuyên môn: kỹ năng nghề gắn với lĩnh vực cụ thể (như giao tiếp tiếng Nga trong du lịch, thuyết minh tuyến điểm, quản trị lữ hành);

Năng lực chung: tư duy phản biện, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề;

Hiểu biết và hành vi nghề nghiệp: hình thành qua thực tập, mô phỏng tình huống hoặc tham quan học tập.

Cách tiếp cận này dựa trên các lý thuyết như:

Học tập theo tình huống (Situated Learning Theory) - việc học hiệu quả nhất diễn ra trong bối cảnh thực tế (Lave & Wenger, 2015);

Giáo dục dựa trên năng lực (Competency-based Education) - nhấn mạnh chuẩn đầu ra và học tập chủ động;

Lý thuyết kết nối (Connectivism) - đề cao vai trò của công nghệ và mạng lưới tri thức (Siemens, 2005).

Trong đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, tiếp cận này đặc biệt phù hợp vì yêu cầu cao về ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng nghề nghiệp. Việc tích hợp thực hành, thực tập doanh nghiệp, học trải nghiệm và mời chuyên gia tham gia giảng dạy giúp liên kết nhà trường – doanh nghiệp – người học, hình thành mô hình hợp tác ba bên bền vững.

Như vậy, giáo dục định hướng nghề nghiệp không chỉ là khung lý luận, mà còn là nền tảng thực tiễn giúp sinh viên ngành tiếng Nga du lịch thích ứng hiệu quả với thị trường lao động hiện nay.

3.2.2. Khái niệm dạy học tiếng Nga chuyên ngành du lịch

Dạy học tiếng Nga chuyên ngành (Russian for Specific Purposes - RSP) là hình thức giảng dạy tập trung vào nhu cầu nghề nghiệp/học thuật cụ thể của người học, nhằm phát triển năng lực giao tiếp chuyên môn bao gồm vốn từ vựng chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp theo thể loại nghề nghiệp, kiến thức môn chuyên ngành và thành phần văn hóa-xã hội cần thiết để thực hiện nhiệm vụ nghề trong môi trường thực tế (Peoples' Friendship University of Russia [RUDN], 2022).

Dạy học tiếng Nga chuyên ngành du lịch là một nhánh cụ thể của dạy học tiếng Nga chuyên ngành, tập trung vào việc phát triển năng lực ngôn ngữ phục vụ các hoạt động du lịch và dịch vụ lữ hành. Theo Ivanova (2021), mục tiêu của môn học này là giúp sinh viên ngành du lịch có khả năng giao tiếp thành thạo trong các tình huống nghề nghiệp như hướng dẫn khách du lịch, tư vấn dịch vụ, quản lý tour, xử lý tình huống phát sinh, đồng thời hiểu và vận dụng kiến thức văn hóa Nga trong bối cảnh giao tiếp quốc tế.

Các đặc điểm của dạy học tiếng Nga chuyên ngành du lịch:

1. **Tập trung vào giao tiếp thực hành**: sử dụng các bài tập mô phỏng tình huống nghề nghiệp (role-playing), thuyết trình, viết báo cáo du lịch.
2. **Kết hợp kiến thức văn hóa – xã hội – nghiệp vụ**: sinh viên được trang bị kiến thức về văn hóa Nga, phong tục tập quán, đặc điểm hành vi khách du lịch, cùng với kỹ năng nghiệp vụ lữ hành.
3. **Phát triển toàn diện kỹ năng ngôn ngữ**: nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt nhấn mạnh kỹ năng giao tiếp trong môi trường du lịch quốc tế.

Như vậy, dạy học tiếng Nga chuyên ngành du lịch không chỉ là học ngôn ngữ mà còn là **học ngôn ngữ trong bối cảnh nghề nghiệp và văn hóa cụ thể**, tạo tiền đề cho sinh viên tham gia thị trường lao động du lịch quốc tế với năng lực chuyên môn vững chắc.

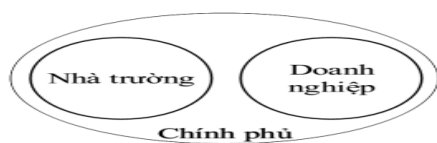
3.2.3. Mô hình liên kết ba bên trong đào tạo (Triple Helix Model) – Nền tảng lý thuyết cho sự phối hợp giữa nhà trường, doanh nghiệp và địa phương

Mô hình Triple Helix, khởi nguồn từ lý thuyết đổi mới sáng tạo (Innovation Theory) được đề xuất bởi Etzkowitz và Leydesdorff (1995), tập trung vào sự tương tác năng động giữa

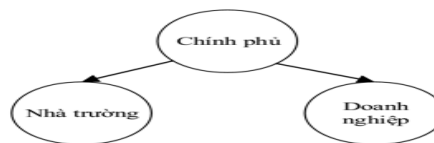
ba chủ thể chính: nhà trường (university), doanh nghiệp (industry) và địa phương (government). Trong bối cảnh giáo dục đại học và phát triển nguồn nhân lực, mô hình này nhấn mạnh vai trò thiết yếu của sự phối hợp liên ngành và liên tổ chức nhằm thúc đẩy đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Hình 1

Mô hình liên kết ba bên trong đào tạo (Triple Helix Model)



Hình 1: Mô hình Triple Helix I



Hình 2: Mô hình Triple Helix II



Hình 3: Mô hình Triple Helix III

Theo đó, ba trụ cột này cùng nhau xây dựng một hệ sinh thái giáo dục – kinh tế – xã hội bền vững:

Nhà trường giữ vai trò trung tâm trong cung cấp tri thức, đào tạo kỹ năng và điều chỉnh chương trình theo phản hồi từ doanh nghiệp và địa phương, đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn.

Doanh nghiệp phản ánh nhu cầu thị trường, cung cấp kinh nghiệm thực tiễn, tham gia thiết kế - đánh giá chương trình và tạo môi trường thực hành cho sinh viên, giúp họ hình thành kỹ năng và thái độ nghề nghiệp.

Địa phương (chính quyền, cơ quan quản lý) định hướng, điều phối, ban hành chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện để các hoạt động thực tập, dự án và hợp tác giữa nhà trường – doanh nghiệp diễn ra hiệu quả.

Trong đào tạo đại học định hướng ứng dụng, sự phối hợp này tạo nên hệ sinh thái đổi mới, kết nối học thuật với thực tiễn, thúc đẩy chuyển giao tri thức và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đối với ngành du lịch và đặc biệt là đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, mô hình Triple Helix giúp chương trình linh hoạt hơn, phù hợp với biến động thị trường và nhu cầu của khách du lịch quốc tế. Triple Helix vì thế trở thành nền tảng quan trọng để xây dựng chương trình đào tạo gắn kết thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển đồng bộ giữa giáo dục, doanh nghiệp và địa phương, hướng tới nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của du lịch Việt Nam.

3.3. Cơ sở thực tiễn

3.3.1. Nhu cầu thị trường lao động và sự gắn kết đào tạo – sử dụng lao động

Theo Báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT&DL) (2023), phát triển nguồn nhân lực là một trong năm nhiệm vụ trọng tâm nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành du lịch Việt Nam (Phạm Hương Lan, 2014). Trong Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2045, chính sách phát triển nhân lực được định hướng theo hướng thu hút lao động chất lượng cao, tăng cường đào tạo tại chỗ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và ngoại ngữ, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp (Bộ VH-TT&DL, 2022).

Trong bối cảnh hiện nay, năng lực ngoại ngữ - đặc biệt là các ngôn ngữ gắn với thị

trường trọng điểm như tiếng Nga - là yếu tố then chốt nâng cao chất lượng nhân lực du lịch. Ngoại ngữ không chỉ phục vụ giao tiếp mà còn cải thiện dịch vụ, nâng trải nghiệm khách và mở rộng thị trường. Nhân lực thành thạo ngoại ngữ và hiểu biết văn hóa trở thành lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp và góp phần xây dựng môi trường du lịch bền vững.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực du lịch giỏi ngoại ngữ còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và cơ quan quản lý để thiết kế chương trình ngoại ngữ chuyên ngành gắn với thực tiễn nghề nghiệp.

Theo Ngân hàng Thế giới (Bodewig và cộng sự, 2014), mô hình liên kết ba bên giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương đóng vai trò then chốt trong nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Trong đào tạo ngoại ngữ du lịch, việc tổ chức thực tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống, đồng thời giúp doanh nghiệp tiếp cận và tuyển chọn nhân lực phù hợp ngay trong quá trình học tập.

Từ góc độ giáo dục đại học, mô hình hợp tác nhà trường – doanh nghiệp – địa phương không chỉ là xu thế của giáo dục ứng dụng mà còn là giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, góp phần phát triển nguồn nhân lực thích ứng và hội nhập quốc tế.

3.3.2. Thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch

Tiếng Nga hiện được xem là một trong những ngoại ngữ chiến lược trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại Việt Nam, đặc biệt ở các địa phương có đông khách Nga như: Khánh Hòa, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Phú Quốc và một số điểm đến trọng điểm khác (Phạm Hương Lan, 2014). Theo Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (2023), khách Nga chiếm tỷ lệ lớn trong tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam, có mức chi tiêu cao và thời gian lưu trú dài, do đó nhu cầu nhân lực biết tiếng Nga, am hiểu văn hóa và kỹ năng phục vụ ngày càng tăng.

Tuy nhiên, công tác đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại các cơ sở giáo dục đại học còn nhiều hạn chế, cả về quy mô lẫn nội dung chương trình. Mặc dù nhu cầu nhân lực biết tiếng Nga trong ngành du lịch vẫn rõ ràng, song ít trường đại học xây dựng chương trình đào tạo có định hướng nghề nghiệp gắn với thực tiễn ngành. Tại các cơ sở như: ĐHNH, ĐHQGHN; Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM) hay Trường Đại học Hà Nội, tiếng Nga du lịch mới chỉ được đưa vào như một hướng nhỏ trong ngành Ngôn ngữ Nga, thiên về lý thuyết ngôn ngữ và văn hóa, thiếu nội dung thực hành nghề nghiệp (ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM, 2020; ĐHNH, 2022). Do đó, nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp gặp khó khăn khi vận dụng tiếng Nga trong giao tiếp thực tế, xử lý tình huống nghề nghiệp hay làm việc trong môi trường đa văn hóa. Cơ hội thực tập tại doanh nghiệp, khách sạn hoặc điểm đến du lịch còn hạn chế, khiến sinh viên thiếu kỹ năng mềm như: giao tiếp, làm việc nhóm, phản biện và giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy vẫn mang tính truyền thống, ít ứng dụng công nghệ hoặc phương pháp học tập tương tác, làm giảm hiệu quả phát triển năng lực toàn diện.

Đáng chú ý, lĩnh vực đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch vẫn chưa nhận được nhiều quan tâm nghiên cứu trong nước. Các công trình chuyên sâu về nội dung, phương pháp và mô hình liên kết đào tạo còn hạn chế. Điều này cho thấy cần thiết phải đổi mới chương trình theo hướng tích hợp kỹ năng ngôn ngữ với kỹ năng nghề nghiệp, mở rộng cơ hội trải nghiệm thực tế và tăng cường hợp tác giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương.

Tóm lại, đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch hiện còn thiếu tính thực tiễn và chưa đáp ứng nhu cầu thị trường. Việc đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và cơ chế phối

hợp giữa các bên liên quan là yêu cầu cấp thiết để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự phát triển bền vững của du lịch Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

3.3.3. Thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Để xây dựng cơ sở khoa học cho việc đổi mới đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, việc đánh giá thực trạng giảng dạy tại các cơ sở trọng điểm là cần thiết. Tại Khoa NN&VH Nga, ĐHN, ĐHQGHN, tiếng Nga được giảng dạy cho các sinh viên chuyên ngành du lịch với mục tiêu trang bị kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng nghiệp vụ phục vụ nghề nghiệp trong bối cảnh du lịch quốc tế.

Tuy nhiên, quá trình giảng dạy hiện nay gặp phải một số khó khăn và bất cập:

1. Thiếu mô hình đào tạo toàn diện và thực hành thực tế: Các môn học chủ yếu tập trung vào lý thuyết ngôn ngữ hoặc một số kỹ năng riêng lẻ như viết, giao tiếp cơ bản, chưa có chương trình tích hợp đồng bộ bốn kỹ năng ngôn ngữ với kiến thức nghề.
2. Hoạt động thực hành – thực tập chưa phát huy hiệu quả, dù đã có khung pháp lý: Trường ĐHN, ĐHQGHN đã ban hành Quy chế Thực hành – Thực tập và Phát triển kỹ năng bổ trợ (2018), yêu cầu tổ chức thực tập theo mô hình ba bên (nhà trường – đơn vị tiếp nhận – sinh viên) và coi thực tập là hoạt động bắt buộc. Tuy nhiên, hoạt động thực tập và trải nghiệm nghề nghiệp chưa được tổ chức đồng bộ, còn mang tính rời rạc, thiếu hệ thống, dẫn đến sinh viên chưa tiếp xúc đầy đủ với môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực du lịch. Điều này khiến năng lực thực hành và kỹ năng mềm (giao tiếp, giải quyết tình huống, làm việc nhóm...) phát triển chưa tương xứng.
3. Thiếu các phương pháp giảng dạy đa dạng, thực tiễn: Giảng dạy tiếng Nga chuyên ngành du lịch chủ yếu sử dụng phương pháp truyền thống, ít ứng dụng role-playing, mô phỏng tình huống, CLIL hay các dự án thực tế nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khả năng xử lý tình huống và giao tiếp đa văn hóa.
4. Chưa có nghiên cứu đánh giá hiệu quả đào tạo: Các báo cáo và khảo sát hiện tại chỉ tập trung vào kết quả học tập ngôn ngữ cơ bản, chưa có đánh giá chi tiết về năng lực chuyên ngành, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và mức độ sẵn sàng của sinh viên khi tham gia thị trường lao động.

Từ những khó khăn và bất cập nêu trên, việc đề xuất hướng giải quyết mới là cần thiết, bao gồm: xây dựng mô hình đào tạo tích hợp lý thuyết – thực hành – trải nghiệm thực tế, kết hợp liên kết ba bên giữa nhà trường – doanh nghiệp – chính quyền địa phương (Triple Helix Model), ứng dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng như: role-playing, CLIL và dự án thực tế. Những giải pháp này không chỉ nâng cao năng lực tiếng Nga chuyên ngành du lịch mà còn giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho thị trường lao động quốc tế.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận kết hợp (mixed methods), trong đó, phương pháp định tính đóng vai trò chủ đạo, kết hợp với các phương pháp hỗ trợ khác nhằm đảm bảo độ tin cậy và tính khách quan của kết quả nghiên cứu.

Cụ thể, ngoài phương pháp **phỏng vấn sâu** với các giảng viên, doanh nghiệp, cơ quan quản lý và sinh viên, bài viết còn sử dụng phương pháp thủ thập, tổng hợp, xử lý dữ liệu:

- **Phương pháp quan sát:** được áp dụng trong các buổi học thực hành, hoạt động ngoại khóa và thực tập nghề nghiệp của sinh viên để ghi nhận mức độ vận dụng tiếng Nga trong bối cảnh thực tế.

- **Phương pháp điều tra khảo sát:** tiến hành thông qua bảng hỏi ngắn đối với sinh viên, cựu sinh viên và một số doanh nghiệp du lịch, nhằm thu thập dữ liệu định lượng sơ bộ về mức độ hài lòng, nhu cầu kỹ năng và đánh giá hiệu quả đào tạo.

- **Phương pháp thống kê mô tả:** được sử dụng để tổng hợp và trình bày các kết quả khảo sát, qua đó minh họa rõ hơn những xu hướng và đặc điểm chính trong thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch hiện nay.

- **Phương pháp tổng hợp - phân tích tài liệu:** dùng để hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, các chính sách phát triển nguồn nhân lực và các báo cáo ngành, làm cơ sở lý luận cho việc đề xuất mô hình đào tạo gắn với thị trường lao động.

Việc kết hợp đa dạng các phương pháp trên giúp bài viết có cơ sở dữ liệu phong phú, phản ánh khách quan và đa chiều thực trạng đào tạo, đồng thời tăng tính thuyết phục cho các đề xuất mô hình trong phần kết luận.

4.1. Phương pháp thu thập và tổng hợp dữ liệu

a) Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: phân tích tài liệu

Phương pháp tổng hợp tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa các cơ sở lý luận liên quan đến giáo dục định hướng nghề nghiệp, mô hình Triple Helix và đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành. Các nguồn tài liệu thứ cấp bao gồm: sách chuyên khảo, bài báo khoa học trong và ngoài nước, báo cáo ngành du lịch, luận văn, luận án và tài liệu chính sách từ các cơ quan chức năng.

Đặc biệt, các dữ liệu liên quan đến thực trạng du lịch, thị trường khách du lịch Nga tại Việt Nam, năng lực ngoại ngữ và yêu cầu nghề nghiệp được khai thác từ các nguồn đáng tin cậy như Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ... cũng như các bài nghiên cứu khoa học. Các khái niệm trọng tâm như: “giáo dục định hướng nghề nghiệp”, “liên kết ba bên trong đào tạo”, “đào tạo tiếng Nga chuyên ngành” cũng được tham chiếu từ các công trình lý thuyết trong lĩnh vực giáo dục, ngoại ngữ và quản trị du lịch.

b) Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: Phỏng vấn sâu

Để đảm bảo tính khách quan, đa chiều và gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu với các nhóm đối tượng đại diện cho ba thành tố trong mô hình Triple Helix:

- 3 giảng viên giảng dạy tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Khoa NN&VH Nga, ĐHNH, ĐHQGHN.

- 2 đại diện doanh nghiệp du lịch sử dụng nguồn nhân lực biết tiếng Nga.

- 2 cán bộ từ cơ quan quản lý du lịch.

- 19 sinh viên năm cuối ngành tiếng Nga định hướng du lịch.

- 10 cựu sinh viên chuyên ngành du lịch.

Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài 25–30 phút, thực hiện theo hình thức bán cấu trúc cho phép người trả lời chia sẻ thêm quan điểm cá nhân, kinh nghiệm và phản hồi thực tế. Cuộc phỏng vấn được ghi chép/ghi âm và tổng hợp nội dung phục vụ cho quá trình phân tích.

Các cuộc phỏng vấn nhằm tìm hiểu những đánh giá, trải nghiệm và kiến nghị liên quan đến nội dung đào tạo, mức độ phù hợp giữa chương trình học và yêu cầu thực tiễn, cũng như nhu cầu sử dụng nhân lực tiếng Nga trong lĩnh vực du lịch.

Đặc điểm mẫu phỏng vấn

- Giới tính: Trong số 7 người thuộc nhóm chuyên gia (giảng viên, doanh nghiệp, quản

lý), có 5 nữ và 2 nam. Tính đa dạng về giới góp phần tạo ra góc nhìn cân bằng, phong phú, nhất là trong một lĩnh vực dịch vụ đặc thù như du lịch.

- Độ tuổi: 2 người độ tuổi từ 50-60, 3 người thuộc độ tuổi 40-50, 2 người trong khoảng 35-40 tuổi, 19 người từ 21-22 tuổi, và 10 người từ 25-35 tuổi. Đa số chuyên gia có độ tuổi trung niên, đang giữ vị trí chuyên môn hoặc quản lý trong các tổ chức, cho thấy mức độ trải nghiệm và độ sâu phân tích trong nhận định của họ.

- Trình độ học vấn: Trong nhóm chuyên gia, có 1 người có bằng cử nhân, 2 người đang là nghiên cứu sinh, và 4 người có trình độ tiến sĩ trở lên. Đây là nhóm có nền tảng học thuật vững vàng, giúp đưa ra các phân tích có tính hệ thống và chuyên môn cao về thực trạng đào tạo cũng như nhu cầu nhân lực ngành du lịch.

Đánh giá mức độ tin cậy của mẫu

Mẫu phỏng vấn bảo đảm tính đa dạng và đại diện khi bao gồm đầy đủ các nhóm: nhà trường, doanh nghiệp du lịch, cơ quan quản lý, sinh viên và cựu sinh viên. Các doanh nghiệp được lựa chọn đều có kinh nghiệm phục vụ khách Nga, trong đó có đại diện là cựu sinh viên của Khoa, giúp cung cấp những nhận định thực tiễn về nhu cầu sử dụng tiếng Nga và mức độ phù hợp của chương trình đào tạo.

Các chuyên gia tham gia phỏng vấn có thâm niên 10–30 năm trong ngành, trải qua nhiều vị trí như giảng dạy, thiết kế tour, quản lý nhân sự và xây dựng chính sách, qua đó đảm bảo độ xác thực và chiều sâu chuyên môn của dữ liệu thu thập.

Nhóm 19 sinh viên năm cuối mang đến góc nhìn trực tiếp từ người học, phản ánh mức độ gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn, cũng như kỳ vọng nghề nghiệp. Nhóm cựu sinh viên (25–35 tuổi) hiện đang làm việc trong doanh nghiệp lữ hành, khách sạn và các lĩnh vực liên quan cung cấp những đánh giá thực tế về khả năng ứng dụng kiến thức đã học và chỉ ra các khoảng trống cần cải thiện.

Tổng thể, mẫu nghiên cứu có tính đại diện cao, đảm bảo độ tin cậy và phản ánh đúng nhu cầu của các bên liên quan trong đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng phục vụ phân tích và đề xuất các giải pháp đổi mới chương trình, hướng tới phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

4.2. Nội dung và quy trình phỏng vấn

Các câu hỏi phỏng vấn tập trung vào các khía cạnh sau:

1. Đánh giá thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch hiện nay (mặt mạnh, điểm yếu, thách thức).
2. Mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động.
3. Vai trò và mức độ tham gia của doanh nghiệp, địa phương trong quá trình đào tạo.
4. Nhận định về tính khả thi và tác động của mô hình liên kết ba bên trong đào tạo tiếng Nga du lịch.
5. Các đề xuất cải tiến chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực ứng dụng và tính cạnh tranh của sinh viên.

Quy trình phỏng vấn gồm 4 bước:

1. Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa và phạm vi sử dụng kết quả phỏng vấn, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện và bảo mật.
2. Trình bày các chủ đề trao đổi chính.

3. Thực hiện phỏng vấn bán cấu trúc với các câu hỏi mở.
4. Tổng hợp, xác minh và phân tích ý kiến từ các chuyên gia, đối chiếu với cơ sở lý luận.

4.3. Ưu điểm của phương pháp phỏng vấn chuyên gia

Việc phỏng vấn sâu các đối tượng có kinh nghiệm chuyên môn và hiểu biết thực tiễn đã mang lại những thông tin chuyên sâu và xác thực, giúp nghiên cứu phản ánh chính xác hơn các vấn đề đang tồn tại trong thực tế đào tạo và sử dụng nhân lực tiếng Nga. Đồng thời, thông qua trao đổi trực tiếp, nghiên cứu có khả năng khám phá các chiều cạnh mới, tiếp cận được những vấn đề chưa từng được đề cập trong các tài liệu thứ cấp. Bên cạnh đó, các quan điểm và khuyến nghị từ chuyên gia còn góp phần bổ sung cho nền tảng lý luận, hoàn thiện khung lý thuyết và tăng tính khả thi cho các giải pháp được đề xuất.

Kết quả thu được từ quá trình phỏng vấn sẽ được mã hóa, phân tích theo chủ đề, từ đó đối chiếu với cơ sở lý luận và thực trạng được nêu trong tài liệu thứ cấp, góp phần củng cố tính chặt chẽ, logic và thực tiễn cho mô hình đề xuất trong bài nghiên cứu.

4.4. Phương pháp phân tích xử lý dữ liệu

4.4.1. Phân tích xử lý dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được khai thác từ các văn bản chính sách về giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, các chiến lược phát triển nhân lực ngành du lịch quốc gia và cấp địa phương, báo cáo điều tra thị trường lao động, tài liệu nghiên cứu khoa học có liên quan trong và ngoài nước. Nguồn tài liệu này giúp định vị cơ sở lý luận và bối cảnh chung cho vấn đề nghiên cứu, đồng thời làm nền để đối chiếu, so sánh với các dữ liệu thực tiễn thu thập được. Phương pháp phân tích tài liệu (document analysis) được sử dụng để tổng hợp và hệ thống hóa các luận điểm quan trọng, xác định những khoảng trống trong nghiên cứu trước đây, từ đó làm rõ tính cấp thiết và hướng tiếp cận của đề tài. Dữ liệu thứ cấp còn có vai trò hỗ trợ việc kiểm chứng độ tin cậy của các thông tin thu được qua phỏng vấn, tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn trong quá trình phân tích và đề xuất mô hình kết hợp ba bên.

4.4.2. Phân tích xử lý dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu thu thập trong nghiên cứu được xử lý và phân tích theo hướng định tính nhằm làm rõ thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, mức độ gắn kết với nhu cầu thị trường lao động, cũng như vai trò, kỳ vọng và sự phối hợp giữa ba chủ thể: nhà trường – doanh nghiệp – địa phương trong mô hình liên kết đào tạo.

Nguồn dữ liệu chính được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với những bên liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo và sử dụng nhân lực tiếng Nga trong lĩnh vực du lịch, bao gồm: giảng viên, đại diện doanh nghiệp lữ hành đón khách Nga, cán bộ quản lý du lịch, sinh viên năm cuối và cựu sinh viên. Việc phỏng vấn được thực hiện theo nguyên tắc bảo mật và đạo đức nghiên cứu, với việc mã hóa và ẩn danh danh tính người tham gia (ví dụ: GV1, DN2, CBQL1, SV5, Cựu SV3...). Khi cần thiết, dữ liệu gốc được đối chiếu để kiểm tra và xác minh độ chính xác.

Quá trình xử lý dữ liệu sử dụng phương pháp phân tích nội dung (content analysis). Các đoạn phỏng vấn được mã hóa và phân loại theo chủ đề (thematic coding) dựa trên các tiêu chí:

1. Đánh giá về chất lượng và tính phù hợp của chương trình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch;
2. Vai trò và mức độ tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo;
3. Kỳ vọng và đề xuất của các bên liên quan về mô hình phối hợp hiệu quả giữa nhà

trường – doanh nghiệp – địa phương.

Việc phân tích được tiến hành tuần tự để nhận diện các chủ đề nổi bật và đối chiếu với mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, qua đó rút ra những kết luận mang tính khái quát và định hướng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu vận dụng khung lý thuyết “Liên kết ba nhà” (Triple Helix Model) – mô hình hợp tác giữa nhà trường (university), doanh nghiệp (industry) và địa phương (government) trong đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực – nhằm soi chiếu và lý giải dữ liệu thu được. Cách tiếp cận này giúp làm sáng tỏ mối quan hệ tương hỗ giữa các bên, cũng như các điều kiện cần thiết để hình thành cơ chế phối hợp hiệu quả trong đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Việt Nam.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Tổng hợp kết quả phỏng vấn và phân tích

Từ phía giảng viên (GV1–GV3): Các giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy tiếng Nga chuyên ngành du lịch đánh giá chương trình hiện nay đã bước đầu tích hợp nội dung chuyên ngành, nhưng tính thực tiễn còn hạn chế. Nhóm giảng viên đề xuất tăng thời lượng thực hành, mời chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy, mở rộng cơ hội thực tập bằng tiếng Nga và cập nhật giáo trình theo xu hướng du lịch hiện đại và nhu cầu của khách Nga.

Từ phía doanh nghiệp (DN1, DN2): Doanh nghiệp nhận định sinh viên biết tiếng Nga là nguồn nhân lực quan trọng trong bối cảnh thị trường khách Nga vẫn ổn định tại các địa phương trọng điểm. Tuy nhiên, sinh viên còn thiếu kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, xử lý tình huống và hiểu biết văn hóa Nga. Doanh nghiệp mong muốn tham gia sâu hơn vào quá trình đào tạo, đặc biệt là trong hoạt động thực tập và góp ý chương trình.

Từ phía cơ quan quản lý du lịch (CBQL1, CBQL2): Đại diện cơ quan quản lý khẳng định vai trò then chốt của đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành trong nâng cao chất lượng nhân lực địa phương. Việc thiếu nhân lực sử dụng tốt tiếng Nga ảnh hưởng đến trải nghiệm du khách và năng lực cạnh tranh của điểm đến. Do đó, cần có chính sách hỗ trợ phát triển đào tạo ngoại ngữ chuyên sâu theo nhu cầu từng địa phương.

Từ phía sinh viên (SV1–SV19): Sinh viên yêu thích ngành học nhưng cho rằng chương trình còn nặng lý thuyết, ít cơ hội thực tập và tương tác với doanh nghiệp. Các em mong muốn được tham gia các khóa kỹ năng nghề, chương trình thực hành tại doanh nghiệp và các tour mẫu bằng tiếng Nga để tăng năng lực thực tế.

Từ phía cựu sinh viên (Cựu SV1–Cựu SV10): Cựu sinh viên đánh giá cao nền tảng tiếng Nga được trang bị, nhưng cho biết chương trình còn thiếu gắn kết với yêu cầu nghề nghiệp, nhất là kỹ năng giao tiếp chuyên ngành. Nhiều người phải tự bồi dưỡng sau khi ra trường. Họ đề xuất tăng hợp tác với doanh nghiệp và tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm để hỗ trợ sinh viên hiện tại.

5.2. Tổng hợp và định hướng

Phân tích dữ liệu cho thấy sự đồng thuận cao giữa các nhóm được phỏng vấn về nhu cầu cấp thiết phải đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch theo hướng thực tiễn, liên ngành và linh hoạt. Các bên đều thống nhất về tầm quan trọng của mô hình hợp tác giữa nhà trường – doanh nghiệp – cơ quan quản lý để nâng cao chất lượng nhân lực và phát huy tiếng Nga như một lợi thế cạnh tranh tại các điểm đến truyền thống của khách Nga.

Những ý kiến thu thập được trở thành cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đề xuất định hướng đổi mới chương trình đào tạo, đồng thời khẳng định tiềm năng phát triển bền vững của nguồn nhân lực tiếng Nga nếu có sự phối hợp hiệu quả trong khuôn khổ mô hình “liên kết ba nhà”.

Kết quả phỏng vấn sâu với giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp du lịch và cơ quan quản lý địa phương cũng làm rõ thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, các yếu tố ảnh hưởng, cũng như triển vọng áp dụng mô hình hợp tác ba bên phù hợp với nhu cầu thị trường lao động Việt Nam.

5.2.1. Thực trạng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch hiện nay

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy chương trình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại các cơ sở trọng điểm, đặc biệt tại Khoa NN&VH Nga, đã thể hiện định hướng gắn với thực tiễn nghề nghiệp thông qua việc đưa các học phần tiếng Nga chuyên ngành và giao tiếp liên văn hóa vào giảng dạy.

Tuy nhiên, chương trình vẫn thiên về lý thuyết; kiến thức từ vựng, ngữ pháp và văn hóa chiếm ưu thế, trong khi các kỹ năng nghề như hướng dẫn, thuyết minh hay xử lý tình huống chưa được đào tạo thực hành đầy đủ. Các học phần ứng dụng chủ yếu ở dạng mô phỏng, chưa tạo môi trường rèn luyện thực tiễn.

Nguyên nhân chính là sự gắn kết còn hạn chế giữa nhà trường và doanh nghiệp. Hợp tác hiện nay chủ yếu dừng ở thực tập ngắn hạn, thiếu phối hợp trong xây dựng chương trình và đánh giá đầu ra. Doanh nghiệp mong tham gia sớm hơn để xác định chuẩn năng lực và yêu cầu kỹ năng.

Nhìn chung, dù định hướng nghề nghiệp đã được xác lập, chương trình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch vẫn tồn tại khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Sự thiếu liên kết hệ thống giữa nhà trường và doanh nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và hạn chế cơ hội phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện của sinh viên.

5.2.2. Nhu cầu và kỳ vọng từ phía doanh nghiệp và địa phương

Kết quả phỏng vấn với doanh nghiệp du lịch và cơ quan quản lý địa phương cho thấy nhu cầu nhân lực thành thạo tiếng Nga đang ở mức cấp thiết trong bối cảnh Việt Nam mở rộng thị trường đón khách Nga và khách từ khối SNG. Nhưng nguồn nhân lực sử dụng được tiếng Nga hiện vừa thiếu về số lượng, vừa hạn chế về chất lượng, đặc biệt ở các vị trí giao tiếp trực tiếp và xử lý nghiệp vụ.

Theo đánh giá của doanh nghiệp, chỉ khoảng 30–40% sinh viên tốt nghiệp ngành tiếng Nga có thể làm việc bằng ngôn ngữ trong môi trường thực tế; tỷ lệ này thấp hơn ở sinh viên định hướng du lịch. Nguyên nhân chính là sinh viên ít cơ hội thực hành trong môi trường nghề nghiệp, thiếu tiếp xúc với khách Nga và chương trình đào tạo chưa tích hợp đầy đủ các kỹ năng nghề như hướng dẫn, thuyết minh, tư vấn hay đàm phán dịch vụ.

Doanh nghiệp mong muốn tham gia sâu hơn vào quá trình đào tạo, đặc biệt ở các nội dung:

- ✓ Phối hợp xây dựng học phần thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp;
- ✓ Tổ chức hội thảo nghề nghiệp và tọa đàm thực tiễn để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về yêu cầu công việc;
- ✓ Tham gia đánh giá năng lực đầu ra của sinh viên, đảm bảo sự tương thích giữa chuẩn đào tạo và tiêu chí tuyển dụng thực tế.

Phía cơ quan quản lý địa phương cũng nhận định cần sớm thiết lập cơ chế phối hợp ba bên giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương để xây dựng hệ sinh thái đào tạo – việc làm đồng bộ. Trong đó, các cơ quan quản lý đóng vai trò điều phối và hỗ trợ chính sách, đặc biệt trong liên kết đào tạo, cung ứng vị trí thực tập, tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn và hỗ trợ doanh nghiệp trong tuyển dụng.

Tóm lại, doanh nghiệp và địa phương đều thể hiện nhu cầu và kỳ vọng rõ ràng đối với

việc đổi mới mô hình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, hướng tới xây dựng môi liên kết bền vững giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương, qua đó nâng cao năng lực ngoại ngữ – chuyên môn của sinh viên và đảm bảo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao cho thị trường.

5.2.3. Đánh giá, nhận xét và so sánh với giả thuyết ban đầu

Kết quả nghiên cứu phù hợp với giả thuyết ban đầu rằng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Việt Nam chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường lao động và cần được phát triển theo mô hình hợp tác đa bên giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương. Dữ liệu từ phỏng vấn chuyên gia, giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp cho thấy các bên đều nhận thức rõ yêu cầu đổi mới đào tạo theo hướng ứng dụng, nhưng triển khai thực tế còn hạn chế.

Thứ nhất, nội dung chương trình vẫn thiên về lý thuyết, tập trung vào ngữ liệu và kiến thức nền tảng mà chưa tích hợp sâu tình huống nghề nghiệp hoặc mô phỏng hoạt động thực tế trong môi trường du lịch. Điều này khiến sinh viên gặp khó khăn khi chuyển hóa kiến thức ngôn ngữ thành kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp.

Thứ hai, phối hợp giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương chưa mang tính hệ thống. Hợp tác chủ yếu dừng ở thực tập ngắn hạn, trong khi thiếu các thỏa thuận dài hạn như đồng thiết kế học phần, chia sẻ cơ sở thực hành hay tham gia đánh giá kết quả đào tạo. Vai trò của các cơ sở du lịch địa phương cũng chưa được lồng ghép chính thức vào mô hình liên kết.

Thứ ba, hệ thống đánh giá đầu ra chưa dựa trên năng lực nghề nghiệp. Tiêu chí đánh giá chủ yếu phản ánh năng lực ngôn ngữ lý thuyết, thiếu các công cụ đo lường năng lực thực hành, tác phong nghề nghiệp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Điểm đáng chú ý là sự đồng thuận cao giữa các nhóm tham gia nghiên cứu về sự cần thiết của mô hình hợp tác ba bên (Triple Helix). Các bên thống nhất rằng mô hình này không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo và tính ứng dụng của chương trình, mà còn tạo nền tảng cho hệ sinh thái giáo dục – nghề nghiệp bền vững, trong đó mỗi chủ thể cùng chia sẻ trách nhiệm và lợi ích.

Như vậy, kết quả nghiên cứu không chỉ khẳng định giả thuyết mà còn cung cấp bằng chứng thực tiễn quan trọng để đề xuất mô hình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch theo hướng liên kết ba bên, góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ – nghề nghiệp của sinh viên và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

6. Thảo luận kết quả nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch

6.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Khoa NN&VH Nga, ĐHNH, ĐHQGHN đã bước đầu tích hợp ngôn ngữ với kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp qua các học phần như Nhập môn du lịch, Tiếng Nga du lịch, Quản trị lữ hành, Giao tiếp liên văn hóa và Giao tiếp – lễ tân ngoại giao. Chương trình giúp sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ và chuyên môn, tiếp cận nghề nghiệp theo chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, tính thực tiễn còn hạn chế. Hợp tác với doanh nghiệp mang tính cá nhân, chưa thể chế hóa, thiếu tham gia thường xuyên trong xây dựng chương trình, thực tập và định hướng nghề nghiệp. Sự phối hợp với địa phương cũng chưa đồng bộ, tạo khoảng cách giữa đào tạo và yêu cầu thực tế của thị trường.

Nghiên cứu đề xuất mô hình hợp tác ba bên – nhà trường, doanh nghiệp và địa phương – nhằm nâng cao tính ứng dụng, rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu lao động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Sinh viên được tiếp xúc thực tế qua thực tập, dự án nghề

ng nghiệp; giảng viên cập nhật thông tin thực tiễn; doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực tiềm năng; địa phương phát triển nguồn lực phù hợp đặc thù vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh ngành du lịch.

Mô hình còn đối mặt thách thức: thiếu khung pháp lý, cơ chế phối hợp chính thức, hạn chế học liệu chuyên ngành và giảng viên chưa đồng đều về chuyên môn; doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu nguồn lực tham gia. Cần chính sách khuyến khích hợp tác công – tư, thỏa thuận dài hạn và đầu tư xây dựng, số hóa, cập nhật tài liệu.

Tóm lại, mô hình hợp tác ba bên nâng cao chất lượng đào tạo, tạo cơ chế liên kết bền vững trong hệ sinh thái nhân lực, đóng vai trò chiến lược trong phát triển du lịch bền vững và hội nhập quốc tế, đặc biệt với phân khúc khách Nga.

6.2. Một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch gắn với thị trường lao động

Nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và phát huy hiệu quả của đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, cần xây dựng mô hình chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt và có sự tham gia tích cực của ba bên: Nhà trường – Doanh nghiệp – địa phương. Dưới đây là một số đề xuất cụ thể:

Thiết kế chương trình đào tạo tích hợp, định hướng ứng dụng: Chương trình nên tích hợp các học phần chuyên môn tiếng Nga du lịch (giao tiếp, biên phiên dịch, hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ lữ hành) với các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp như: giao tiếp liên văn hóa, xử lý tình huống với khách Nga, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, quản trị cảm xúc trong môi trường dịch vụ.

Tham vấn các bên liên quan trong xây dựng chương trình học: Ngay từ khâu xây dựng đề cương học phần, nhà trường cần phối hợp với doanh nghiệp (công ty lữ hành quốc tế, khu du lịch có khách Nga, khách sạn 4–5 sao, hãng hàng không...), đồng thời tham vấn ý kiến từ chính quyền địa phương, người học và cả cựu người học để cập nhật nội dung sát với yêu cầu tuyển dụng và thực tiễn hoạt động. Điều này giúp tránh tình trạng "học một đường – làm một hướng", đồng thời giúp sinh viên làm quen sớm với chuẩn đầu ra của nhà tuyển dụng cũng như nhu cầu thực tế của xã hội.

Tăng cường đào tạo thực hành và thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp, địa phương: Thực hiện các học phần thực tập định kỳ và có giám sát, đánh giá rõ ràng. Doanh nghiệp và địa phương là nơi tiếp nhận sinh viên đến học việc, tham gia dẫn tour, dịch vụ khách sạn – nhà hàng, biên dịch thực tế hoặc tổ chức sự kiện đón tiếp khách Nga. Trong đó, địa phương đóng vai trò là "không gian học tập mở", cung cấp điều kiện môi trường thực tế cho sinh viên áp dụng kiến thức đã học.

Tổ chức các học phần thực hành lồng ghép dự án hợp tác ba bên: Có thể xây dựng học phần theo hình thức dự án (project-based learning), trong đó, sinh viên làm việc nhóm để thực hiện các đề án như: xây dựng sản phẩm du lịch cho khách Nga tại một địa phương cụ thể; thiết kế bộ tài liệu giới thiệu điểm đến bằng tiếng Nga; tổ chức chương trình chào đón khách Nga mẫu... Dự án được đồng hướng dẫn bởi giảng viên và đại diện doanh nghiệp, có sự hỗ trợ từ địa phương.

Hệ thống đánh giá năng lực đầu ra theo chuẩn thực tế: Việc đánh giá sinh viên nên không chỉ dừng ở kiểm tra kiến thức lý thuyết, mà còn bao gồm đánh giá năng lực thực hành tiếng Nga trong tình huống thực tế, mức độ chuyên nghiệp khi làm việc với khách, kỹ năng thích ứng trong môi trường du lịch quốc tế. Các tiêu chí đánh giá cần có sự đồng thuận và đóng góp từ phía doanh nghiệp và địa phương.

Thông qua mô hình ba bên này, chương trình đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch không chỉ đáp ứng yêu cầu của xã hội mà còn tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện toàn diện, nâng cao năng lực nghề nghiệp và sẵn sàng hội nhập vào thị trường lao động ngay sau khi tốt nghiệp.

7. Kết luận và khuyến nghị

7.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Việt Nam đã bước đầu gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp nhưng còn nhiều hạn chế về nội dung, phương pháp và cơ chế hợp tác. Chương trình vẫn thiên về lý thuyết, thiếu cân bằng giữa năng lực ngôn ngữ và kỹ năng nghề, trong khi cơ hội thực hành, thực tập và trải nghiệm nghề của sinh viên còn hạn chế.

Dữ liệu phỏng vấn cho thấy nguồn nhân lực sử dụng tiếng Nga chưa đáp ứng đủ yêu cầu thị trường về số lượng và chất lượng. Doanh nghiệp và địa phương cần sinh viên thành thạo tiếng Nga, có khả năng giao tiếp, thuyết minh, tư vấn và xử lý tình huống trong môi trường du lịch quốc tế, đồng thời mong muốn tham gia sâu hơn vào xây dựng chương trình, giảng dạy và đánh giá đầu ra.

Kết quả nghiên cứu củng cố giả thuyết rằng đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch cần triển khai theo mô hình hợp tác ba bên (Triple Helix) giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương, tạo liên kết hữu cơ giữa ba trụ cột trong hệ sinh thái giáo dục – nghề nghiệp.:

- ✓ Nhà trường đóng vai trò trung tâm, chịu trách nhiệm cung cấp tri thức và tổ chức đào tạo;
- ✓ Doanh nghiệp đảm nhiệm vai trò thực hành, phản hồi nhu cầu thị trường và tham gia đánh giá năng lực đầu ra;
- ✓ Địa phương là tác nhân điều phối, hỗ trợ, đồng thời tạo điều kiện thực tế cho sinh viên trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Việc phát triển và áp dụng mô hình này được kỳ vọng sẽ thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, nâng cao năng lực ứng dụng tiếng Nga trong công việc, đồng thời góp phần tăng cường tính thích ứng và khả năng hội nhập quốc tế của sinh viên ngành du lịch.

Từ các kết quả nghiên cứu, bài báo gợi mở hướng phát triển tiếp theo cho các cơ sở đào tạo, cụ thể là Khoa NN&VH Nga, ĐHNN, ĐHQGHN bao gồm: (1) hoàn thiện chương trình tiếng Nga chuyên ngành du lịch theo hướng tích hợp ngôn ngữ – nghề nghiệp; (2) xây dựng cơ chế hợp tác thường xuyên với doanh nghiệp và đơn vị du lịch địa phương; (3) thiết lập hệ thống đánh giá đầu ra dựa trên năng lực nghề nghiệp và mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Nghiên cứu này, vì vậy, không chỉ đóng góp về mặt lý luận khi làm rõ cơ sở khoa học của mô hình Triple Helix trong bối cảnh đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, mà còn có ý nghĩa thực tiễn khi đề xuất hướng tiếp cận mới giúp nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam chất lượng cao trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

7.2. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu và phân tích thực tiễn đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch tại Việt Nam, đặc biệt tại Khoa NN&VH Nga, ĐHNN, ĐHQGHN, bài báo đề xuất một số khuyến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, tăng cường mối liên kết giữa nhà trường, doanh nghiệp và địa phương, hướng đến đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động:

(1) *Đối với các cơ quan chức năng và đơn vị quản lý giáo dục*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội cần có chính sách hỗ trợ các

chương trình đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành hiếm như tiếng Nga, thông qua việc cấp kinh phí, khuyến khích nghiên cứu, trao đổi học thuật, và liên kết quốc tế trong lĩnh vực du lịch.

- Các cơ quan quản lý du lịch địa phương nên kết nối với các trường đại học để cùng xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch vùng, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp và sinh viên trong hoạt động thực tập và tuyển dụng.

(2) Đối với Nhà trường

- Cần xây dựng chiến lược phát triển đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch theo hướng ứng dụng, tích hợp giữa ngôn ngữ – kỹ năng nghề nghiệp – văn hóa du lịch.

- Thiết lập cơ chế hợp tác chính thức giữa trường và doanh nghiệp du lịch, cũng như các đơn vị, tổ chức địa phương để tổ chức thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp, hội thảo chuyên đề và hoạt động nghiên cứu ứng dụng.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, học liệu và công nghệ dạy học hiện đại, đặc biệt là các mô phỏng tình huống du lịch, học liệu số và học liệu tương tác, phục vụ đào tạo tiếng Nga theo hướng thực hành.

(3) Đối với các phòng, ban chức năng trong ĐHNN, ĐHQGHN

- Phòng Đào tạo và Người học cần hỗ trợ Khoa trong việc điều chỉnh chương trình học phần tiếng Nga chuyên ngành du lịch theo hướng tăng thời lượng thực hành, học theo dự án, hoặc học qua trải nghiệm tại doanh nghiệp.

- Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển có thể chủ động xây dựng mạng lưới đối tác doanh nghiệp du lịch, làm đầu mối kết nối với các đơn vị bên ngoài để tổ chức hoạt động hợp tác đào tạo, thực tập và tuyển dụng sinh viên.

(4) Đối với Khoa NN&VH Nga

- Cần đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy tiếng Nga chuyên ngành du lịch, tăng cường tính thực hành, mô phỏng tình huống và học theo dự án (project-based learning).

- Tổ chức định kỳ các buổi tọa đàm, seminar giữa giảng viên – doanh nghiệp – sinh viên, nhằm cập nhật yêu cầu thực tế từ thị trường lao động và điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp.

- Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy tiếng Nga trong du lịch, xây dựng bộ học liệu chuyên ngành riêng gắn với bối cảnh Việt Nam.

(5) Đối với giảng viên giảng dạy môn tiếng Nga du lịch

- Cần tích hợp nội dung văn hóa – nghiệp vụ – kỹ năng giao tiếp thực tế vào bài giảng, thay vì chỉ tập trung vào ngôn ngữ thuần túy.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp dạy học tương tác, như: mô phỏng tour, xử lý tình huống dịch vụ, hoặc dự án hướng dẫn du lịch bằng tiếng Nga.

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, mời chuyên gia thực tế vào giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên.

(6) Đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Nga du lịch

- Cần chủ động rèn luyện năng lực ngôn ngữ gắn với kỹ năng nghề nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động thực tập, mô phỏng hướng dẫn tour, tình huống dịch vụ, hoặc dự án nghiên cứu nhỏ.

- Tăng cường tiếp xúc với tiếng Nga thực tế thông qua câu lạc bộ tiếng Nga, tình nguyện viên tại các sự kiện du lịch có khách Nga, hoặc tham gia các khóa học trực tuyến với người bản ngữ.

- Xây dựng thái độ học tập tích cực và tinh thần nghề nghiệp: tôn trọng văn hóa Nga, linh hoạt trong giao tiếp, và không ngừng cập nhật xu hướng du lịch hiện đại.

Những khuyến nghị trên không chỉ hướng đến hoàn thiện mô hình hợp tác ba bên (Triple Helix) trong đào tạo tiếng Nga chuyên ngành du lịch, mà còn góp phần xây dựng môi trường đào tạo thực hành, liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp và địa phương, qua đó phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, có năng lực ngôn ngữ - nghiệp vụ - văn hóa toàn diện, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững của ngành du lịch Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bodewig, C., Badiani-Magnusson, R., Macdonald, K., Newhouse, D., & Rutkowski, J. (2014). *Skilling up Vietnam: Preparing the workforce for a modern market economy*. World Bank Publications. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/610301468176937722/pdf/829400AR0P13040Box0379879B00PUBLIC0.pdf>
- Chaloeisuk, D., & Aroonast, P. (2024). The development of a content and language integrated learning model of Russian language for tourism and services in the 21st century. *Nakboot Journal*, 1(1), 1–15. <https://so04.tci-thaijo.org/index.php/nakboot/article/view/272355>
- Dudley-Evans, T., & St John, M. J. (1998). *Developments in English for Specific Purposes: A Multi-Disciplinary Approach*. Cambridge University Press. https://www.researchgate.net/publication/248530597_Developments_in_English_for_specific_purposes_a_multi-disciplinary_approach_Tony_Dudley-Evans_and_Maggie-Jo_St_John_Cambridge_Cambridge_University_Press_1998_301_pp
- Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (1995). The Triple Helix—University-industry-government relations: A laboratory for knowledge-based economic development. *EASST Review*, 14(1), 14–19. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2480085
- Hoachlander, G. (2008). Bringing industry to the classroom. *Educational Leadership*, 65(8), 22–27. https://scholar.google.com/scholar?hl=vi&as_sdt=0%2C5&q=Hoachlander%2C+G.+%282008%29.+Bringing+industry+to+the+classroom.+Educational+Leadership&btnG=
- Hutchinson, T., & Waters, A. (1987). *English for specific purposes*. Cambridge university press. <https://books.google.com/books?hl=vi&lr=&id=s2FIpUv7gaoC&oi=fnd&pg=PR8&dq=English+for+Specific+Purposes:+A+Learning-Centred+Approach&ots=R1gCDBwjZ&sig=MupmPVgViU2Dyi05qkOeJBEZLI>
- Institute for Tourism Development Research (2022), *Tourism Human Resources and Training in the Digital Era*. https://itdr.org.vn/ngghien_cuu/nhan-luc-dao-tao-nguon-nhan-luc-du-lich-trong-ky-nguyen-so/
- Ivanova, N. (2021). Role Play Technology in the Future Lawyers' Professional Training. In E. V. Toropova, E. F. Zhukova, S. A. Malenko, T. L. Kaminskaya, N. V. Salonikov, V. I. Makarov, A. V. Batulina, M. V. Zvyaglova, O. A. Fikhtner, & A. M. Grinev (Eds.), *Man, Society, Communication*, vol 108. *European Proceedings of Social and Behavioural Sciences* (pp. 146-153). European Publisher. <https://doi.org/10.15405/epsbs.2021.05.02.18>
- Jean, L., & Wenger, E. (2015). *Situated learning: Legitimate peripheral participation*. In *Proceedings of the National Academy of Sciences* (Vol. 3, Issue 1). <http://dx.doi.org/10.1016/j.bpj.2015.06.056>
- Luu, T. T. M., & Nguyen, N. C. (2021). Overcoming difficulties in teaching and learning Russian writing for third-year tourism majors. *Da Nang Journal of Science and Technology*, 19(4.1), 45–57. <https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/7419>
- Metsaots, M. (2016). *Triple helix and innovation workshops in the tourism industry* [Master's thesis, Aalborg University]. https://vbn.aau.dk/ws/files/239555547/Masters_thesis_Maarja_Metsaots_revised.pdf
- Ministry of Culture, Sports and Tourism. (2022). *Summary report on the planning of Vietnam's tourism system for the period 2021–2030, with a vision to 2045*. <https://vietnamtourism.gov.vn>
- OECD. (2021). *Education at a glance 2021: OECD indicators*. https://www.oecd-ilibrary.org/education/education-at-a-glance-2021_b35a14e5-en

- Pham, H. L. (2014). The demand for foreign language human resources in Vietnam's tourism industry. *Paper Knowledge. Toward a Media History of Documents*, 7(2), 107–115. <https://dlvn.vnu.edu.vn/wp-content/uploads/2023/12/Huong-Lan-Tong-quan-Nhan-luc-ngoai-ngu-cho-DL.pdf>
- Rauner, F., & Maclean, R. (2021). *Handbook of technical and vocational education and training research*. https://ebookppsunp.files.wordpress.com/2016/06/felix_rauner_rupert_maclean_handbook_of_technical_education_research.pdf
- Siemens, G. (2005). Connectivism: Learning as network creation. *ASTD Learning News*, 10(1), 1–28.
- Torresin, L. (2024). *Teaching Russian as a Foreign Language Today Through an Intercultural Approach: Challenges and New Directions*. https://www.researchgate.net/publication/385552484_Teaching_Russian_as_a_Foreign_Language_Today_Through_an_Intercultural_Approach_Challenges_and_New_Directions
- Tourism, W., & UNWTO, O. (2023). *International tourism highlights, 2023 edition – The impact of COVID-19 on tourism (2020–2022)* (revised and updated in October 2023). <https://doi.org/10.18111/9789284424986>
- Tran, T. (2025). Collaborative training for tourism human resources between universities and international tourism enterprise: Lesson learned and implications for Vietnam. *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, 23(8b), 34–38. [https://doi.org/10.31130/ud-jst.2025.23\(8B\).415](https://doi.org/10.31130/ud-jst.2025.23(8B).415)
- University of Languages and International Studies. (2018). *Regulations on internship, practicum, and soft skills development*. <https://hssv.ulis.vnu.edu.vn/quy-che-ve-thuc-tap-thuc-hanh-va-phat-trien-ky-nang-bo-tro/>
- University of Languages and International Studies. (2019). *Internship Evaluation Form – Decision No. 812/QĐ-ĐHNN, March 26, 2019*. <https://ulis.vnu.edu.vn/files/uploads/2019/10/2.-Phi%E1%BA%BFu-ch%E1%BA%A5m-H%E1%BB%93-s%C6%A1-th%E1%BB%B1c-t%E1%BA%ADp.docx>
- University of Languages and International Studies. (2022). *Learning outcomes and program objectives for the undergraduate program in Russian language*. <https://daotao.ulis.vnu.edu.vn/files/uploads/2023/08/Signed.Signed.8.-Ng%C3%B4n-ng%E1%BB%AF-Nga.pdf>
- University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh City (USSH VNUHCM). (2020). *Bachelor's degree program in Russian language – Training code: 7220202* [Internal university document]. <https://hcmussh.edu.vn/static/document/CT%C4%90T-Ng%C3%B4n-ng%E1%BB%AF-Nga-2021.pdf>
- Van Hien University (2024). *Developing Tourism through Linkages in High-Quality Human Resource Training in the Contemporary Context*. https://dl.vhu.edu.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/phat-trien-du-lich-voi-su-lien-ket-trong-dao-tao-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-hien-nay-4910?utm_source=chatgpt.com
- Vietnam National Authority of Tourism, Tourism Information Center. (2023). *Tourism information, November 2023*. https://images.vietnamtourism.gov.vn/vn/dmdocuments/2023/thong_tin_du_lich_thang_11-2023.pdf
- Vu, C. T. (2020). Policy measures for Vietnam's tourism in response to the impacts of COVID-19. *VNU Journal of Foreign Studies*, 36(6), 197–206. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4639>
- Xuan, T., & Dang, H. (2025, May 5). *Khanh Hoa tourism – Shortage of Russian-speaking human resources after the return of tourists*. VTVonline. <https://vtv.vn/doi-song/du-lich-khanh-hoa-khat-nhan-luc-tieng-nga-sau-lan-song-khach-tro-lai-2025050314584786.htm>